

Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự - Điều 201 Bộ luật Hình sự

Cho vay dân sự là một giao dịch phổ biến trong đời sống xã hội, tuy nhiên nếu cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhằm thu lời bất chính, người cho vay có thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

I. Căn cứ pháp lý

Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự được quy định tại điều 201 BLHS 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

II. Các yếu tố cấu thành tội phạm

1. Khách thể của tội phạm

“Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân.

2. Về chủ thể của tội phạm

Chủ thể “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là người từ đủ 16 tuổi trở lên và có năng lực trách nhiệm hình sự. Nếu người phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý công quỹ và dùng công quỹ cho vay lãi nặng mang tính chất bóc lột thì vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội này với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Trường hợp do hành vi cho vay mà để thất thoát công quỹ thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về “Tội sử dụng trái phép tài sản” quy định tại Điều 177 BLHS năm 2015 hoặc “Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh

tế gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 165 BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nếu xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó vụ án đang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì tiếp tục áp dụng quy định của BLHS năm 1999; sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử lý (điểm e Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội).

3. Mặt chủ quan của tội phạm

Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý. Người phạm tội biết hành vi cho vay lãi nặng của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ lợi mà vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Động cơ phạm tội là vụ lợi nhằm thu lợi bất chính.

4. Mặt khách quan của tội phạm

a. Về hành vi khách quan:

Hành vi khách quan của tội cho vay lãi nặng thể hiện ở một trong các hành vi sau:

- Cho người khác vay và áp đặt mức lãi suất **gấp 05 lần trở lên** của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (BLDS), thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên;

Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 468) thì lãi suất trong hợp đồng vay được xác định như sau:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật liên quan có quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Như vậy, theo quy định về mức lãi suất tối đa của Bộ luật Dân sự, nếu lãi suất cho vay gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất tối đa nói trên, tức là từ 100%/năm trở lên thì hành vi cho vay có dấu hiệu của Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tuy nhiên số tiền thu lợi bất chính có được từ hành vi này phải từ 30.000.000 đồng trở lên. Nếu trong giao dịch dân sự, người cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS nhưng thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng thì cũng không bị coi là phạm tội và cũng không cấu thành tội phạm này.

- Cho vay lãi gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS, **thu lợi bất chính chưa đến 30.000.000 đồng** nhưng trước đó **đã bị xử phạt** vi phạm hành chính về hành vi cho vay lãi nặng **hoặc đã bị kết án** về tội cho vay lãi nặng, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

Điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình quy định: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi: “cho vay tiền có cầm cố tài sản, nhưng lãi suất cho vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay”. Tuy nhiên, từ cuối năm 2011, Ngân hàng Nhà nước đã bỏ quy định về lãi suất cho vay cơ bản, thay bằng lãi suất trần huy động vốn không quá 13-14%/năm. Do vậy, không thể lấy lãi suất đi vay để áp vào lãi suất cho vay để xác định và xử lý hành vi nói trên.

Hơn nữa Nghị định 167/2013/NĐ-CP chỉ quy định xử phạt đối với hành vi cho vay tiền có cầm cố tài sản mà không có quy định xử phạt đối với hành vi cho vay lãi nặng không có cầm cố tài sản. Điều này dẫn đến việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cho vay lãi nặng lãi rất khó thực hiện. Từ đó dẫn đến việc truy cứu TNHS đối với hành vi cho vay lãi nặng, thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng nhưng trước đó đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cho vay lãi nặng trong giai đoạn hiện nay hầu như không thể thực hiện được.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015, trong trường hợp pháp luật có liên quan có quy định khác về lãi suất thì sẽ áp dụng lãi suất đó cho quan hệ vay thuộc phạm vi điều chỉnh của luật đó (như các hợp đồng vay vàng, ngoại tệ, vay chính sách xã hội, vay đầu tư phát triển...).

Từ những phân tích trên có thể thấy, để đảm bảo nguyên tắc mọi tội phạm phải được phát hiện, xử lý kịp thời, tránh oan sai, không bỏ lọt “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 BLHS năm 2015, cần phải có văn bản hướng dẫn xử lý đối với tội phạm này cũng như có hướng dẫn cụ thể về quy định: “trừ trường hợp pháp luật liên quan có quy định khác” quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015.

b. Về hậu quả:

Hậu quả của hành vi cho vay lãi nặng là những thiệt hại vật chất và phi vật chất cho xã hội như: tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, những thiệt hại về tài sản cho xã hội và những thiệt hại khác về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... Hậu quả trực tiếp của hành vi cho vay lãi nặng là gây thiệt hại cho người vay, làm cho người vay phải chịu mức lãi quá cao. Đối với tội cho vay lãi nặng, hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

- Về số lượng tiền, tài sản cho vay nhiều hay ít không phải là dấu hiệu cấu thành cơ bản.

- Về đối tượng cho vay là tài sản gồm vật, tiền, giấy tờ có giá...

III. Về hình phạt:

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định 02 khung hình phạt, cụ thể:

- Người phạm tội theo quy định tại Khoản 1 Điều 201 thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Người phạm tội theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính nêu trên, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm.

Như vậy về hình phạt, mức phạt tù cao nhất đối với Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 03 năm tù, trong trường hợp thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên. Đây là quy định cũng mang tính “cởi trói” cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong đường lối giải quyết loại tội phạm này so với quy định “thu lợi bất chính lớn” tại khoản 2 Điều 163 BLHS năm 2009.

Lãi suất cho vay là bao nhiêu thì phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự?

Câu hỏi:

Do kinh doanh thiếu vốn tôi đã phải đi vay tiền ở bên ngoài, với mức lãi suất do chủ nợ đưa ra là 4%/tháng. Tôi muốn hỏi mức lãi suất tôi vay như trên có là vay với lãi suất nặng không? Có quy định nào về việc tính lãi suất khi các bên tự cho vay mượn không? Nếu bên cho vay mà thừa tôi ra pháp luật (do mấy tháng gần đây tôi thiếu tiền chưa trả tiền lãi hàng tháng cho họ, họ đòi đưa tôi ra pháp luật xử lý) thì họ có bị tội cho vay nặng lãi không?

Trả lời:

Thứ nhất: Về mức lãi suất cho vay.

Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 có quy định về lãi suất vay như sau:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”

Như vậy, trường hợp của bạn lãi suất do các bên thỏa thuận và không được vượt quá: 20%/ năm của khoản tiền vay

Lãi suất cho vay tối đa trung bình một tháng sẽ là: $20\% : 12 \text{ tháng} = 1,666\%/tháng$

Bạn và phía bên cho vay thỏa thuận lãi suất 4%/tháng đã vượt quá mức lãi suất tối đa mà pháp luật cho phép. Khi xảy ra tranh chấp thì pháp luật không thừa nhận và không bảo vệ quyền lợi cho bên cho vay đối với phần lãi suất vượt quá đó.

Thứ hai: Về cấu thành tội cho vay nặng lãi

Theo quy định Điều 201 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 17 tháng 11 năm 2015 có quy định như sau:

*"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với **lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất** quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

*2. Phạm tội mà thu lợi bất chính **100.000.000 đồng trở lên**, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

Lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định trên tháng là: $5 \text{ lần} \times 1,666\% = 8,33\%$ (mức lãi suất bạn áp dụng cho vay là 4%/tháng).

Như vậy, chỉ khi mức lãi suất cao hơn lãi suất cao nhất pháp luật quy định 5 lần trở lên thì mới cấu thành tội cho vay nặng lãi theo pháp luật hình sự. Hiện lãi suất bạn đang vay chỉ gấp lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định 2,40 lần, cho nên phía cho vay không cấu thành tội cho vay nặng lãi theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên vay không trả được nợ và phía bên cho vay khởi kiện ra tòa án thì pháp luật chỉ bảo vệ quyền lợi của bên cho vay trong phạm vi lãi suất mà pháp luật cho phép. Phần vượt quá lãi suất sẽ không được pháp luật bảo vệ.